HSBC

1. Date / *Ngày*: 2 3 M A Y 2 0 2 5

Application for Irrevocable Documentary Credit (DC)

Đơn yêu cầu phát hành Thư tín dụng (DC) không hủy ngang

To: HSBC Bank (Vietnam) Ltd.

K/g: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

This is an application for the trade service(s) specified below. Please complete the required information and provide any instructions related to the trade service(s).

Đây là đơn yêu cầu đối với (các) dịch vụ thương mại được quy định cụ thể dưới đây. Vui lòng hoàn tất các thông tin theo yêu cầu và cung cấp bất kỳ chỉ thị nào liên quan đến (các) dịch vụ thương mại.

2.1 Applicant Name ***(the Customer)/*** *Tên của Bên Yêu Cầu (Khách Hàng)*

2.2 Applicant Address/ *Địa Chỉ của Bên Yêu Cầu*

2.3 Applicant Contact Person/ *Người Liên Hệ của Bên Yêu Cầu*

2.4 Applicant Tel/ *Số Điện Thoại của Bên Yêu Cầu*

2.5 Import Account No. *(if known)/ Tài Khoản Nhập Khẩu Số (nếu biết)*

3.1 Beneficiary Name/ *Tên của Bên Thụ Hưởng*

3.2 Beneficiary Address/ *Địa Chỉ của Bên Thụ Hưởng*

3.3 Beneficiary Contact Person/ *Người Liên Hệ của Bên Thụ Hưởng*

3.4 Beneficiary Tel/ *Số Điện Thoại của Bên Thụ Hưởng*

3.5 Beneficiary Fax/ *Số Fax của Bên Thụ Hưởng*

4.1 DC Dispatched by/ DC Được gửi bằng
SWIFT/ Điện SWIFT

4.2 DC type / *Loại Thư tín dụng:*
Irrevocable/ *Không hủy ngang*

5.1 DC Currency / *Loại Tiền Tệ của DC*

5.2 DC Amount in figures / *Số Tiền của DC bằng số*

5.3 Currency and DC Amount in words
Loại Tiền Tệ Và Số Tiền của DC bằng chữ

5.4 Expiry Date/ *Ngày Hết Hạn*
D D M M M Y Y Y Y

5.5 Expiry Place / *Nơi Hết Hạn*

5.6 Allowance in DC Amount + / - %
Dung sai Số Tiền của DC + / - %

5.7 Allowance in Qty +/- %
Dung sai Khối Lượng + / - %

5.8 Confirmation
Xác Nhận
☐ Yes/ *Có* ☐ No / *Không*
☐ May add / *Có thể xác nhận*

5.9 Partial Shipments
Giao Hàng Từng Phần
☐ Allowed / ☐ Not Allowed
☐*Cho Phép* / ☐*Không Cho Phép*

5.10 Transhipments
Chuyển Tải
☐ Allowed / ☐ Not Allowed
☐*Cho Phép* / ☐*Không Cho Phép*

5.11 Drafts Required
Yêu Cầu Xuất Trình Hối Phiếu
☐ Yes / ☐ No
☐*Có* / ☐ *Không*

5.12 DC available with
DC có hiệu lực xuất trình tại
☐ Any Bank / ☐ Advising Bank / ☐ Issuing Bank
☐ *Bất Kỳ Ngân Hàng Nào* / ☐ *Ngân Hàng Thông Báo* / ☐ Ngân Hàng Phát Hành

5.13 DC available by
DC được xuất trình để
☐ Negotiation / ☐ Acceptance/ ☐ Sight payment/ ☐ Deferred payment
☐ *Thương lượng* / ☐ *Chấp Nhận Thanh Toán* / ☐ *Trả Ngay* / ☐*Trả Chậm*

5.14 DC Tenor
Thời hạn DC
☐ At Sight / *Trả Ngay*
Or / *Hoặc*
☐ Tenor at / *Thời hạn trả chậm*
☐ Days / *Ngày*

5.15 Transferable
Có thể chuyển nhượng
☐ Yes/*Có* ☐ No/ *Không*

5.16 Period for presentation of documents/ *Thời hạn xuất trình chứng từ*

Documents to be presented within ☐ after the date of shipment but within the *validity of the DC. / Chứng từ được xuất trình trong vòng … sau ngày giao hàng nhưng trong thời hạn hiệu lực của DC.*

Reset / Cài lại

Validate / Kiểm tra

GTS-VN-DC-001-Dec24

6.1 Advising Bank SWIFT code *(if known)/*
Mã SWIFT Của Ngân Hàng Thông Báo (nếu biết)

6.2 Advising Bank Name/ *Tên của Ngân Hàng Thông Báo*

6.3 *Advising* Bank Address
Địa Chỉ Ngân Hàng Thông Báo

7.1 Description of Goods *(without excessive detail)/ Mô Tả Hàng Hóa (không bao gồm thông tin quá chi tiết)*

7.2 Contract Number/Số Hợp Đồng

7.3 Contract Date/Ngày Hợp Đồng

8.1 Place of Taking in Charge/Receipt/ *Nơi Nhận Hàng*

8.2 Port of Loading/Airport of Departure/ *Cảng Bốc Hàng/Sân bay nơi đi*

8.3 Port of Discharge/Airport of Destination/ *Cảng Dỡ Hàng/Sân bay nơi đến*

8.4. Place of Final Destination/Place of Delivery/ *Nơi giao hàng Cuối Cùng/Nơi Giao Hàng*

8.5 Latest date of Shipment/ *Ngày Giao Hàng Chậm Nhất*

D D M M M Y Y Y Y

8.6 Incoterms ☐ **2000 or** ☐ **2010/** *Incoterms* ☐*2000 hoặc* ☐*2010*

☐ EXW ☐ FCA ☐ FOB ☐ CFR ☐ CIF
☐ CPT ☐ CIP ☐ DDP ☐ Other/ *Khác*

9. Insurance to be covered by/ *Bảo Hiểm được mua bởi*

☐ Ultimate Buyer/ *Bên Mua Cuối Cùng* ☐ Applicant/ *Bên Yêu Cầu*

☐ Insurance cover note attached/ *Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm Đính Kèm*

☐ Insurance will be arranged by us (Applicant) and we will provide you with a copy of the insurance cover note in due course. *Bảo Hiểm sẽ do chúng tôi (Bên Yêu Cầu) thu xếp và chúng tôi sẽ cung cấp cho quý ngân hàng bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm đúng hạn.*

Documents required/ *Các Chứng Từ Yêu Cầu*

10.1 Signed commercial invoice in ____ originals ____ copies.
Hóa Đơn Thương Mại Đã Ký với số lượng ... bản gốc ... bản sao.

10.2 Packing List in ____ originals ____ copies
Phiếu Đóng Gói Hàng Hóa với số lượng … bản gốc … bản sao

10.3 ☐ **For shipment by sea,**
☐ *Đối với giao hàng bằng đường biển,*

☐ full set / ☐ ____ /3 original clean "On Board" ☐ bill of lading or ☐ multimodal or combined transport document,
☐ *nguyên bộ* ☐ … /3 *bản gốc sạch "Hàng Đã Xếp Lên Tàu"* ☐ *vận đơn hoặc* ☐ *chứng từ vận tải đa phương thức hoặc kết hợp*

☐ made out to ____ ,or ☐ the order of shipper and endorsed in blank;
☐ *được lập theo* ☐ theo lệnh của bên gửi hàng và ký hậu để trống;

marked: "Freight ☐ Prepaid or ☐ Collect" and "Notify" ____
ghi chú: "Cước Phí ☐*Trả Trước hoặc* ☐ *Trả sau"* *và "Thông Báo cho"*
mentioning the DC number.
thể hiện số DC.

10.4 ☐ **For shipment by air,** original Air Waybill marked "For the consignor/shipper" signed by the carrier or his agent, marked:
☐ "Freight prepaid or ☐ Collect", showing flight number and date of despatch of goods,
☐ *Đối với giao hàng bằng đường hàng không, vận đơn Đường Không gốc ghi chú "*☐*Cho Bên Chuyển Hàng/*☐*Bên Gửi hàng" do hãng vận chuyển hoặc đại lý của hãng vận chuyển ký, ghi chú: "Cước Phí Trả Trước hoặc Trả sau", thể hiên số hiệu chuyến bay và ngày giao hàng:*

consigned to: ____ and Notify ____
Giao hàng cho *và Thông Báo cho*

☐ mentioning the DC number.
thể hiện số DC.

Reset / Cài lại

Validate / Kiểm tra

GTS-VN-DC-001-Dec24

10.5 ☐ **Marine/** ☐ **Air Insurance Policy** or certificate in negotiable form and blank endorsed for full CIF/CIP value plus 10% covering

□ *Hợp Đồng hoặc giấy chứng nhận Bảo Hiểm Hàng Hóa Đường Biển/ □ Đường Không dưới hình thức có thể chuyển nhượng và ký hậu để trống đối với toàn bộ giá trị CIF/CIP cộng 10%*

Institute Cargo Clauses -(☐ (A)/ ☐ Air)

□ *Các Điều Khoản Về Hàng Hóa -(□ (A)/ □ Vận Chuyển Bằng Đường Hàng Không)*

Institute War Clauses - (☐ Cargo/ ☐ Air Cargo)

□ *Các Điều Khoản Về Chiến Tranh - (□ Hàng Hóa/ □ Vận Chuyển Bằng Đường Hàng Không)*

Institute Strikes Clauses -(☐ Cargo/ ☐ Air Cargo)

□ *Các Điều Khoản Về Đình Công -(□ Hàng Hóa/ □ Vận Chuyển Bằng Đường Hàng Không)*

evidencing claims payable by agent (with full name and address) at destination in the currency of the DC and showing number of originals issued.
bằng chứng yêu cầu khoản tiền bồi thường có thể được thanh toán bởi đại lý bảo hiểm (ghi rõ tên và địa chỉ đầy đủ) tại điểm giao hàng bằng loại tiền tệ của DC và thể hiện số bản gốc được phát hành.

10.6 ☐ **Beneficiary's certificate** certifying that one set ☐ Original or ☐ Copy(ies) of shipping documents has been sent to applicant within ☐ *day(s) after shipment. / □ Giấy chứng nhận của Bên Thụ Hưởng chứng nhận □ một bộ chứng từ giao hàng Gốc hoặc □ Bản Sao đã được gửi cho Bên Yêu Cầu trong vòng … ngày sau khi giao hàng.*

10.7 Additional Conditions / Other Documents required.
Các Điều Kiện Bổ Sung / Các Chứng Từ Khác theo yêu cầu

☐ T/T reimbursement is allowed in ☐ working days upon receipt tested swift at our counter

□ *Được chuyển tiền bằng phương thức chuyển tiền bằng điện trong ....ngày làm việc sau khi nhận được mã swift kiểm tra tại quầy của chúng tôi.*

Charges – to be paid by Applicant (A)/ Beneficiary (B) *Phí – thanh toán bởi Bên Yêu Cầu (A)/ Bên Thụ Hưởng (B)*	**A**	**B**		**A**	**B**
11.1 DC Opening Commission Phí Mở DC	☐	☐	11.2 Issuing bank other charges/ Phí khác của ngân hàng phát hành	☐	☐
11.3 Correspondent bank charges Phí ngân hàng đại lý	☐	☐	11.4 DC confirmation charges (if applicable)/ Phí xác nhận DC (nếu áp dụng)	☐	☐
11.5 Transit interest charges are applicable for TT reimbursement/ Phí chuyển lãi áp dụng đối với phương thức chuyển tiền bằng điện	☐	☐	11.6 Issuing bank charges related to Import DC presentation/ Phí của ngân hàng phát hành liên quan đến bộ chứng từ xuất trình theo Thư tín dụng	☐	☐

12. Debit our account number for the fees payable by the Applicant
Ghi nợ vào số tài khoản của chúng tôi các khoản phí phải trả bởi Bên Yêu Cầu ☐

13. Cash Collateral - Margin Payment/ *Ký Quỹ Bằng Tiền – Thanh Toán Tiền Ký Quỹ*

☐ Debit any margin payment required from our account number
Ghi nợ bất kỳ khoản thanh toán tiền ký quỹ nào được yêu cầu từ tài khoản của chúng tôi số ☐

14. Back to Back DC/ *DC Giáp Lưng*

☐ This application is for a back-to-back DC to be issued against the master credit
Đơn yêu cầu này là để phát hành DC giáp lưng đối với Thư tín dụng chính

No. ☐ issued by ☐ (The Master DC)
Số ☐ *phát hành bởi* ☐ *(DC Chính)*

The original Master DC is ☐ enclosed / ☐ being held by HSBC. / *DC Chính gốc là □ đính kèm / □ do HSBC nắm giữ.*

15. Settlement instruction/ *Chỉ Thị Thanh Toán*

Settle all amounts owned by the Applicant under this application by debiting our account number/ Thanh toán tất cả số tiền nợ của Bên Yêu Cầu dưới đơn yêu cầu này bằng cách ghi nợ vào tài khoản của chúng tôi số ☐

In case of settlement by loan, according to the Drawdown Notice/Utilization Request we submit at the time of settlement.
Trong trường hợp thanh toán sử dụng tiền vay, dựa trên Thông báo rút vốn chúng tôi gửi vào thời điểm thanh toán.

Reset / Cài lại

Validate / Kiểm tra

GTS-VN-DC-001-Dec24

The Customer agrees that HSBC may debit the Customer's account(s) at HSBC, including current accounts, marginal deposit account, term deposit account and/or other accounts (if any) to effect the aforesaid payment without further obtaining any consent or authorization from the Customer. If such debit by HSBC results in a negative account balance, the Customer acknowledges that the outstanding amount shall constitute a debt and HSBC will provide the Customer with a forced loan with its period, interest rate and currency to be determined by HSBC until the Customer makes full payment and advised to the Customer in form of the Loan Advice immediately after such forced loan.
The foreign exchange transactions (if any) shall be implemented in accordance with the general Terms and Conditions published at HSBC's website or the agreement executed between the Customer and HSBC.
The duration of documentary credit facility is determined from and including the day following the date of DC issuance to and including the final due date for payment under the DC terms (the "DC Maturity Date"). The actual DC Maturity Date shall be the date of the respective Retirement Advice to be sent by HSBC to the Customer.

Khách Hàng đồng ý rằng HSBC có thể ghi nợ (các) tài khoản của Công Ty mở tại HSBC, bao gồm các tài khoản vãng lai, tài khoản ký quỹ, tài khoản tiền gửi và/hoặc các tài khoản khác (nếu có) để thực hiện các việc thanh toán này mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận hoặc ủy quyền nào từ Khách Hàng. Nếu việc ghi nợ như vậy dẫn đến một số dư âm trong tài khoản, Khách Hàng đồng ý nhận nợ bắt buộc đối với khoản tiền còn thiếu và HSBC sẽ cấp cho Khách Hàng một khoản vay bắt buộc với kỳ hạn, mức lãi suất và loại tiền tệ do HSBC xác định cho đến khi Khách Hàng thanh toán đầy đủ và thông báo cho Khách Hàng dưới hình thức Thông Báo Về Khoản Vay ngay sau khi cấp khoản vay bắt buộc đó.
Các giao dịch ngoại hối (nếu có) sẽ được thực hiện theo các Điều khoản và Điều kiện chung công bố tại trang điện tử của HSBC hoặc theo hợp đồng ký kết giữa Khách Hàng và HSBC.
Thời hạn cấp tín dụng được xác định từ và bao gồm ngày tiếp theo ngày phát hành thư tín dụng cho đến và bao gồm ngày đến hạn thanh toán cuối cùng cho bên thụ hưởng theo điều khoản thanh toán trên thư tín dụng ("Ngày Đến Hạn Thanh Toán Thư Tín Dụng"). Ngày Đến Hạn Thanh Toán Thư Tín Dụng cụ thể sẽ là ngày của Thông Báo Thanh Toán Thư Tín Dụng tương ứng được HSBC gửi đến Khách Hàng.

We refer to HSBC's Standard Trade Terms (as amended from time to time) which can be accessed, read and printed by the Customer at/from www.gbm.hsbc.com/standard-trade-terms or alternatively the Customer can request a copy from its Relationship Manager (the Standard Trade Terms). This application incorporates and is subject to the Standard Trade Terms as though they were set out in full in this application, and together they form an important agreement.
By signing this application the Customer:

- irrevocably requests HSBC to provide the above trade service(s) in accordance with the instructions in this form; and
- confirms that it has read and understood the Standard Trade Terms and agrees that this application incorporates the Standard Trade Terms and that the Standard Trade Terms applies to the above requested trade service(s).

Chúng tôi dẫn chiếu đến Các Điều Khoản Thương Mại Tiêu Chuẩn của HSBC (như được sửa đổi tại từng thời điểm) mà Khách Hàng có thể truy cập, đọc và in tại/từ
www.gbm.hsbc.com/standard-trade-terms hoặc Khách Hàng có thể yêu cầu một bản sao từ Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng của Khách Hàng (Các Điều Khoản Thương Mại Tiêu Chuẩn).
Đơn yêu cầu này bao gồm và phụ thuộc vào Các Điều Khoản Thương Mại Tiêu Chuẩn như thể Các Điều Khoản Thương Mại Tiêu Chuẩn được quy định đầy đủ trong đơn yêu cầu này, và cùng với đơn yêu cầu này cấu thành một thỏa thuận quan trọng.
Bằng cách ký đơn yêu cầu này Khách Hàng:

- *yêu cầu không hủy ngang HSBC cung cấp (các) dịch vụ thương mại nêu trên theo các chỉ thị trong biểu mẫu này; và*
- *xác nhận rằng Khách Hàng đã đọc và hiểu Các Điều Khoản Thương Mại Tiêu Chuẩn và đồng ý đơn yêu cầu này bao gồm Các Điều Khoản Thương Mại Tiêu Chuẩn và rằng Các Điều Khoản Thương Mại Tiêu Chuẩn áp dụng cho (các) dịch vụ thương mại được yêu cầu nêu trên.*

Signed for and on behalf of the Customer:
Ký thay mặt và đại diện cho Khách Hàng:

S.V.

Authorised Signatories and Company Stamp *(if applicable)/ Chữ Ký Được Ủy Quyền và Con Dấu Công Ty (nếu áp dụng)*